

Bản án số: 13/2018/DS-ST

Ngày 8-5-2018

*V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng do tài sản
bị xâm phạm*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP ĐỨC, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Gia Đông;

Ông Hứa Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Diễm My, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Hồng Được - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2017/TLST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2017/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Tấn B; Sinh năm: 1964; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn X; Sinh năm: 1973; Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Hồ Thị H; Sinh năm: 1966; (vợ ông B) Có mặt.

+ Chị Lê Thị Thu H; Sinh năm: 1979; (vợ ông X) Có mặt.

Các đương sự cùng trú tại: Thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

+ Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn H; Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T; Chức vụ: Cán bộ địa chính, xây dựng. Có mặt.

(Văn bản ủy quyền 04/5/2018)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/6/2017 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Lê Tấn B khai: Vào năm 1987, gia đình ông đã khai hoang, xây dựng nhà ở và canh tác liên tục diện tích đất khoảng 2.500m² tại H, thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Gia đình ông đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và đăng ký trong sổ mục kê của Ủy ban nhân dân xã T. Đến năm 2011, do đất quá xấu nên ông không trồng hoa màu mà để chăn bò. Đến năm 2017, anh Trần Văn X ngang nhiên nhổ bỏ của ông 72 cây keo mới trồng và lấn chiếm diện tích đất của ông để trồng keo. Tại đơn khởi kiện, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Văn X phải trả lại diện tích đất khoảng 1.500m² tại thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam và yêu cầu bồi thường giá trị 72 cây keo mới trồng là 216.000đ (Hai trăm mười sáu nghìn đồng). Qua xem xét đo đạc, thẩm định tại chỗ, xác định anh Trần Văn X đã lấn chiếm của ông diện tích đất 1.807,5m². Tại phiên tòa, ban đầu ông B trình bày khai hoang từ năm 1976, ông yêu cầu khởi kiện buộc anh X trả lại diện tích đất tranh chấp là 7 sào 56m² (tương đương 3.556m²) và yêu cầu bồi thường giá trị của 57 cây keo mới trồng. Sau đó, ông trình bày yêu cầu khởi kiện diện tích đất tranh chấp là 756m². Do ông B không nhớ rõ, trình bày không thống nhất nên tại phiên tòa, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo kết quả xem xét, đo đạc thẩm định tại chỗ ngày 19/7/2017, buộc anh Trần Văn X trả lại diện tích đất 1.807,5m² tại thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam và bồi thường thiệt hại do chặt bỏ 57 cây keo mới trồng cho ông.

Tại Tòa án, bị đơn anh Trần Văn X trình bày: Diện tích đất tranh chấp 1.807,5m² tại thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam trên là do cha anh nhận chuyển nhượng từ năm 1995 và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ đó, cha anh đã cho vợ chồng anh canh tác, trồng hoa màu, trồng cỏ chăn bò. Đến năm 2017, ông Lê Tấn B đem keo đến trồng. Sau đó xảy ra tranh chấp, anh thừa nhận có nhỏ keo của ông B. Nay, ông B khởi kiện yêu cầu anh trả lại diện tích đất 1.807,5m² tại thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam thì anh không đồng ý. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại giá trị 57 cây keo mới trồng cho ông B thì anh đồng ý nếu Tòa án xác định lỗi thuộc về anh X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị H thống nhất với lời khai và yêu cầu khởi kiện của ông B tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thu H thống nhất với lời khai của anh X.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam trình bày: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp được chia thành hai phần. Phần một là bỏ hoang, đến năm 2017, ông B, chị H trồng keo; phần còn lại anh X đã trồng keo đến nay đã hai mùa. Diện tích đất tranh chấp hiện nay do Ủy ban nhân dân xã T quản lý. Nếu các đương sự không thỏa thuận được, yêu cầu Tòa án giải quyết giao lại cho Ủy ban nhân dân xã T quản lý.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức tham gia phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Ngày 30/3/2017, tại UBND xã T tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai của ông Lê Tấn B và ông Trần Văn X nhưng không có sự tham gia của những người có quyền và nghĩa vụ liên quan là chưa đầy đủ thành phần tham gia theo quy định tại Điều 202 Luật Đất đai 2013, Điều 88 Nghị định 43/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, thủ tục tiền tố tụng chưa đảm bảo nhưng Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn B là vi phạm thủ tục tố tụng.

Thẩm phán, Thư ký phiên tòa được phân công giải quyết, tiến hành tố tụng vụ án từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc anh Trần Văn X trả lại diện tích đất đang lấn chiếm 756m², chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn B về phần yêu cầu anh Trần Văn X bồi thường giá trị số keo mà anh X đã nhổ bỏ số tiền hợp lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án xét thấy:

[1] Về tố tụng, căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013, xét thấy các đương sự và diện tích đất tranh chấp đều ở tại xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 26/12/2017, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa vì lý do chờ kết quả trả lời của Ủy ban nhân dân huyện H về điều kiện cấp quyền sử dụng đất. Hết thời hạn tạm ngừng nhưng chưa có kết quả trả lời nên Hội đồng xét xử đã tạm đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 21/3/2018, Tòa án tiến hành tiếp tục giải quyết vụ án và thông báo mở lại phiên tòa xét xử.

[2] Xét nguồn gốc diện tích đất tranh chấp trên thì thấy:

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/7/2017, tổng cộng diện tích đất tranh chấp là 1.807,5m², tờ bản đồ số 01, thửa số 47, 48 tại thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Trong đó có hai phần gồm:

Phần một: Diện tích đất là 556,5m², thửa đất số 47 và 495m², thửa đất số 48. Hiện nay, vợ chồng ông B, chị H đang canh tác trồng keo.

Phần hai: Diện tích đất tranh chấp là 646,5m², thửa đất số 47 và 109,5m², thửa đất số 48. Hiện nay vợ chồng anh X, chị H đang canh tác trồng keo.

Như vậy, đối với phần diện tích đất 556,5m², thửa đất số 47 và 495m², thửa đất số 48, hiện tại ông B, chị H đang canh tác trồng keo. Anh X, chị H không có xâm phạm nên không có cơ sở để xem xét, giải quyết tranh chấp về diện tích đất nêu trên mà chỉ xem xét, giải quyết việc anh X, chị H nhổ cây keo xâm phạm đến tài sản của ông B chị H.

Xét phần diện tích đất tranh chấp 646,5m², thửa đất số 47 và 109,5m², thửa đất số 48 anh X, chị H đang trồng keo khoảng 1,5 tuổi trong tổng diện tích đất 1.807,5m², tờ bản đồ số 01, thửa số 47, 48 tại thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam nêu trên.

Ông Lê Tấn B khai rằng nguồn gốc diện tích đất này là do ông khai hoang và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. Nhưng theo Thông báo nộp thuế ngày 22/5/1999 mà ông B cung cấp thì không xác định phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với diện tích đất nào.

Tại biên bản làm việc ngày 05/10/2017, Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam cho biết hồ sơ lưu trữ về thuế đối với diện tích đất tranh chấp không còn lưu giữ. Tuy nhiên, tại buổi làm việc này, Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam xác định ông B đã sử dụng và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế từ năm 1999 trở về trước đối với diện tích đất tranh chấp 1.807,5m², tờ bản đồ số 01, thửa số 47, 48 tại thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Ông Thiều Quang B (nguyên Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam) là người ký Thông báo nộp thuế trên xác định từ năm 1999 trở về trước, ông Lê Tấn B chỉ sử dụng một diện tích đất mà hiện nay đang tranh chấp tại thôn 5 cũ, (nay là thôn P), xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với diện tích đất trên. Sau năm 1999, có chính sách miễn nộp thuế quyền sử dụng đất nên ông Lê Tấn B không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.

Ông B khai đã đăng ký trong sổ mục kê tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Nhưng, theo Công văn số 556/CV-UB ngày 08/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam xác định diện tích đất tranh

chấp trên chưa có ai kê khai, sử dụng trong sổ mục kê, sổ địa chính và hiện nay do Ủy ban nhân dân xã T chịu trách nhiệm quản lý.

Tại biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã T ngày 31/3/2017, theo lời khai của ông Lê Văn M (thôn trưởng thôn P) và qua xác minh ông Lê Tấn B, bà Nguyễn Thị H (là những người sống tại khu vực có diện tích đất tranh chấp) cũng xác định trước đây ông B có xây dựng nhà ở trên diện tích đất tranh chấp, sau đó chuyển đi nơi khác, anh X đến trồng keo thì xảy ra tranh chấp.

Từ những chứng cứ phân tích trên, lời khai về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp của ông B xác định nguồn gốc diện tích đất 1.807,5m², tờ bản đồ số 01, thửa số 47, 48 tại thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam, trong đó có diện tích đất 646,5m², thửa đất số 47 và 109,5m², thửa đất số 48, đang tranh chấp với anh X do ông Lê Tấn B khai hoang và sử dụng từ năm 1999 trở về trước.

[3] Xét quá trình sử dụng diện tích đất tranh chấp nêu trên thì thấy:

Theo Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 18/12/2017 và ngày 21/3/2018 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam, các hộ dân ở gần diện tích đất tranh chấp đều xác nhận từ khoảng năm 2003 trở về sau thì ông B đã bỏ hoang, không canh tác diện tích đất này.

Tại Tòa án ông B, chị H khai rằng đã sử dụng diện tích đất tranh chấp trên từ năm 1987 đến năm 2011 thì không canh tác nữa mà để chăn bò. Đến năm 2015 thì anh X đến trồng keo trên một phần diện tích, thời điểm đó ông B, chị H không có ý kiến gì. Đến năm 2017, ông B, chị H trồng keo trên phần diện tích đất còn lại thì xảy ra tranh chấp.

Tại biên bản hòa giải ngày 31/3/2017, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam, ông B khai rằng trước đây ông canh tác trồng đậu, trồng sắn. Sau thời gian đóng thuế thì ông ngưng sản xuất, không canh tác cho đến năm 2017 ông trồng keo thì mới xảy ra tranh chấp. Như vậy, lời khai của ông B không thống nhất về quá trình sử dụng diện tích đất tranh chấp trên. Tuy nguồn gốc diện tích đất do ông B khai hoang nhưng ông B không xuất trình được chứng cứ chứng minh quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục đối với diện tích đất tranh chấp từ khi khai hoang cho đến nay.

Theo Công văn số 79/UBND ngày 14/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam trả lời: Nội dung của Ủy ban nhân dân xã T xác nhận “ông B đã khai hoang, sử dụng và nộp thuế đối với diện tích đất tranh chấp nêu trên từ năm 1999 trở về trước, sau đó bỏ hoang một thời gian...” và diện tích đất 646,5m² thửa đất số 47 và 109,5m² thửa đất số 48 ông B canh tác năm 2017” thì ông B không đủ điều kiện giao đất đối với phần đất tranh chấp.

Đối chiếu với các quy định tại Điều 99, Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 thì ông B, chị H không thuộc trường hợp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, diện tích đất tranh chấp 1.807,5m² thuộc Ủy ban nhân dân xã T quản lý.

Từ các chứng cứ trên phản ánh sau năm 1999 ông B, chị H không sử dụng diện tích đất tranh chấp ổn định, liên tục cụ thể nên không có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của ông B về việc công nhận diện tích đất tranh chấp là 1.807,5m², tờ bản đồ số 01, thửa số 47, 48 tại thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam thuộc quyền sử dụng của ông B.

Anh X, chị H khai rằng nguồn gốc diện tích đất tranh chấp 1.807,5m², tờ bản đồ số 01, thửa số 47, 48 tại thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam trên là do cha anh nhận chuyển nhượng từ năm 1995 của bà Trần Thị T và ông Nguyễn Ngọc C, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cho vợ chồng anh canh tác từ đó đến nay. Tuy nhiên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E707955 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 19/5/1995 thể hiện diện tích đất được cho hộ ông Trần Đ (cha anh X) không thuộc thửa đất tranh chấp số 47, 48. Theo Công văn số 556/ ngày 08/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam trả lời từ trước đến nay cũng không chỉnh lý số thửa đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Vì vậy, số thửa đất được cấp cho hộ ông Đ không liên quan đến thửa đất tranh chấp hiện nay. Hơn nữa, anh X chị H không tiến hành thủ tục phản tố nên không xem xét.

[4] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm của ông B thì thấy:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của ông B, chị H có trong hồ sơ vụ án khai rằng anh X, chị H đã nhổ bỏ 72 cây keo mới trồng, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bồi thường cho ông trị giá 72 cây keo mới trồng là 216.000đ (Hai trăm mười sáu nghìn đồng). Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông B, chị H xác định anh X, chị H đã nhổ bỏ 57 cây keo mới trồng. Tại biên bản giải quyết của Ủy ban nhân dân xã T cũng xác định anh X, chị H nhổ bỏ 57 cây nên ông B, chị H yêu cầu bồi thường theo biên bản của xã đã giải quyết là 57 cây keo theo giá trị của Hội đồng định giá.

Theo lời khai của anh X, chị H thừa nhận trong lúc bức tức có nhổ 57 cây keo của ông B, chị H như biên bản giải quyết của Ủy ban nhân dân xã T là đúng. Tuy nhiên, anh X, chị H cho rằng ông B, chị H trồng cây trên đất thuộc quyền sử dụng của anh X, chị H nên anh X, chị H không có nghĩa vụ bồi thường.

Theo Công văn 556/UBND ngày 07/12/2017 và Công văn số 79/UBND ngày 14/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam xác định diện tích đất tranh chấp 1.807,5m², tờ bản đồ số 01, thửa số 47, 48 tại thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Trong đó: có một phần vợ chồng ông B, chị H đang canh tác trồng keo với diện tích đất 556,5m², thửa đất số 47 và 495m², thửa đất số 48 chưa có ai kê khai, sử dụng trong sổ mục kê, sổ địa chính và do Ủy ban nhân dân xã T chịu trách nhiệm quản lý. Anh X, chị H không có chứng cứ gì chứng minh diện tích đất 556,5m², thửa đất số 47 và 495m², thửa đất số 48 thuộc quyền sử dụng của anh X, chị H. Như vậy, diện tích đất trên thuộc Ủy ban nhân dân xã T quản lý. Việc ông B, chị H trồng keo không xâm phạm gì đến quyền lợi của anh X, chị H và nếu ông B có trồng cây trên đất thuộc quyền sử dụng anh

X, chị H thì anh X, chị H phải báo cơ quan có thẩm quyền giải quyết, không được tự xử lý trái pháp luật.

Từ những phân tích trên, xét thấy việc anh X, chị H nhổ phá keo của ông B, chị H là 57 cây keo mới trồng, lỗi hoàn toàn thuộc anh X và chị H.

Căn cứ vào biên bản định giá ngày 19/7/2017, tại thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam xác định giá trị của 01 cây keo mới trồng là 3.000đ. Như vậy giá trị 57 cây keo là: $57 \times 3.000\text{đ}/\text{cây} = 171.000\text{đ}$ (Một trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Anh X, chị H có lỗi và phải bồi thường cho ông B, chị H. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm của ông B, buộc anh X, chị H phải bồi thường cho ông B, chị H số tiền là 171.000đ (Một trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Đối với phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, về thủ tục tiền tố tụng thì Hội đồng xét xử nhận thấy ngày 31/3/2017, Ủy ban nhân dân xã T đã tổ chức hòa giải. Tuy nhiên, sau khi hòa giải thì các bên không thực hiện nên được xác định là hòa giải không thành. Vì vậy, ông B tiếp tục khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, xác định diện tích đất tranh chấp là 756m^2 và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông B về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 756m^2 . Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện, các lời khai của ông B có trong tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, ông B xác định diện tích đất tranh chấp là $1.807,5\text{m}^2$. Vì vậy, Hội đồng xét xử giải quyết đối với diện tích đất tranh chấp là $1.807,5\text{m}^2$ tờ bản đồ số 01, thửa số 47, 48 tại thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông B nên mỗi bên phải chịu 50% chi phí là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Mỗi bên đã nộp tạm ứng 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Ông B, anh X đã nộp đủ chi phí thẩm định, định giá và đã được hoàn trả lại mỗi người 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất của ông B, chị H không được chấp nhận nên ông B, chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Đối với yêu cầu của ông B về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm được chấp nhận nên anh X, chị H phải chịu án phí đối với yêu cầu trên là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 164, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn B về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với diện tích đất 1.807,5m², tờ bản đồ số 01, thửa số 47, 48 tại thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam đối với anh Trần Văn X.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn B về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm. Buộc vợ chồng anh Trần Văn X, chị Lê Thị Thu H phải bồi thường cho vợ chồng ông Lê Tấn B, chị Hồ Thị H số tiền là 171.000đ (Một trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trần Văn X và chị Lê Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Ông Lê Tấn B phải chịu án phí DS-ST đối với một phần yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất không được chấp nhận là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0000735 ngày 30/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức. Ông B được hoàn trả số tiền chênh lệch án phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (ngày 08/5/2018)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND H. Hiệp Đức;
- Cơ quan THADSH. Hiệp Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thọ